

Trong thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 06/2018, do cần tiền ăn tiêu và trả nợ Nguyễn Văn M nảy sinh ý định giả mạo người có chức vụ, quyền hạn trong các công ty và các Ban quản lý dự án của thành phố Hải Phòng để lừa dối những người có nhu cầu tham gia thi công dự án trên địa bàn thành phố Hải Phòng chiếm đoạt tài sản. Thực hiện ý định, M đến các công trình xây dựng, gặp gỡ và làm quen với những người đang thi công các công trình để được phô tô hồ sơ dự án, bản thiết kế thi công, copy “file mềm” các tài liệu... Sau khi có hồ sơ, M trực tiếp tìm người có nhu cầu hoặc liên hệ với những người chuyên môi giới như Phạm Văn D1, sinh năm 1964, trú tại thôn 1, xã Đ, huyện T, Hà Nội; Đặng Ngọc T1, sinh năm 1979, trú tại L, quận Đ, Hà Nội; Lê Văn T2, sinh năm 1980, trú tại Hoàng Văn T3, C, Hà Nội... nói mình là Phó Ban quản lý dự án ở Hải Phòng đang có nhiều dự án phải thi công, đồng thời M đưa các bản phô tô hồ sơ, bản thiết kế dự án cho D1, T1, T2... để xem ai có nhu cầu thi công thì giới thiệu. Để tạo niềm tin M tiếp các cá nhân có nhu cầu thi công xây dựng tại nhà M ở số 34/145 C, quận N, thành phố Hải Phòng, khi nhận tiền M đều tự viết giấy biên nhận với thỏa thuận đây chỉ là tiền đặt cọc nếu không ký được hợp đồng thi công dự án M sẽ trả lại tiền khiến họ tin tưởng đưa tiền cho M. Sau khi nhận tiền, M không sử dụng để giúp các cá nhân thi công dự án mà sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Tổng cộng, Nguyễn Văn M đã chiếm đoạt 2.942.107.000 đồng (hai tỷ, chín trăm bốn mươi hai triệu, một trăm linh bảy nghìn đồng) của các cá nhân cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất, lừa đảo chiếm đoạt của bà Trần Thị M1, sinh năm 1965; trú tại số 85 Phạm Văn Đ, D, Hải Phòng số tiền 492.107.000 đồng.

Tháng 06/2017, thông qua các mối quan hệ xã hội, Nguyễn Văn M biết bà Trần Thị M1. Biết bà M có nhu cầu tham gia thi công nhà xưởng, M tự giới thiệu với bà M1 về việc M là lãnh đạo Công ty TNHH Victory ở Hải Dương. M nhận có thể giúp bà M1 ký hợp đồng thi công công trình nhà xưởng của nhà máy sản xuất gia công mũ giấy cao cấp do Công ty Victory làm chủ đầu tư ở xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. M cho bà M1 xem bản phô tô hồ sơ dự toán xây dựng, bản vẽ sơ bộ và trực tiếp đưa bà M1 đến hiện trường thi công xem mặt bằng, giới thiệu tính khả thi của dự án. Vì vậy, bà M1 tin tưởng M và đồng ý sẽ đưa cho M số tiền 500 triệu đồng đặt cọc để được M giúp đỡ ký hợp đồng thi công. Ngày 11 và ngày 12/10/2017, bà M1 đưa cho M tổng cộng 290.000.000 đồng và 9.000 USD (tương đương 202.107.000 đồng), M trực tiếp viết Biên bản cam kết hợp tác không hủy ngang đề ngày 11/10/2017 và Giấy cam kết hợp tác không hủy ngang đề ngày 12/10/2017, ký tên người nhận tiền biên nhận số tiền nêu trên. M hẹn bà M1 sau 15 đến 45 ngày sẽ ký được hợp đồng, nhưng đến nay bà M1 không ký được hợp đồng thi công dự án trên và cũng không nhận lại được khoản tiền nào từ M.

Quá trình điều tra, bà M1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy phô tô

hai mặt do Nguyễn Văn M viết, 01 mặt ghi Biên bản cam kết hợp tác không hủy ngang đề ngày 11/10/2017 biên nhận số tiền 290.000.000 đồng và 5.000 USD; 01 mặt ghi Giấy cam kết hợp tác không hủy ngang đề ngày 12/10/2017 biên nhận số tiền 4.000USD.

Về trách nhiệm dân sự: Bà M1 yêu cầu Nguyễn Văn M phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 290.000.000 đồng và 9.000 USD.

Vụ thứ hai, lừa đảo chiếm đoạt của ông Phương Công T4, sinh năm 1972, trú tại số 5, ngõ 1, D, Q, C, Hà Nội số tiền 700.000.000 đồng.

Khoảng cuối năm 2017, ông Phương Công T4 có nhu cầu thi công một số dự án tại Hải Phòng. Thông qua Phạm Văn D1, ông T4 đã gặp Nguyễn Văn M tại nhà M ở số 34/145 C, N, Hải Phòng, M tự xưng là Phó Ban quản lý dự án của thành phố Hải Phòng có một số dự án có thể bố trí cho ông T4 ký kết hợp đồng làm nhà thầu thi công. Để ông T4 tin tưởng, M đưa ra các hồ sơ, tài liệu là bản phô tô liên quan đến Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ khu liên hợp xử lý chất thải rắn G, T, Hải Phòng đến nhà máy xi măng Hải Phòng (viết tắt là dự án đường G - xi măng Hải Phòng) và Dự án xây dựng chợ hoa quả tại chân cầu B, Hải Phòng, đồng thời M dẫn ông T4 đến khu vực thi công dự án đường G để xem mặt bằng dự án. Ông T4 đặt vấn đề muốn thi công 02 dự án trên, M yêu cầu ông T4 phải đặt cọc số tiền là 700.000.000 đồng cho M để được ký hợp đồng. Các ngày 13/12/2017, ngày 21/12/2017 tại nhà M, có sự chứng kiến của Phạm Văn D1, ông T4 đưa cho M 650.000.000 đồng và ngày 23/12/2017, ông T4 đã chuyển cho M 50.000.000 đồng qua dịch vụ chuyển tiền nhanh của Công ty vận tải H. Khi nhận tiền M viết và đưa cho ông T4 02 Biên bản cam kết hợp tác không hủy ngang hẹn sau 01 tháng đến 40 ngày sẽ sắp xếp để ông T4 ký hợp đồng. Số tiền nhận được từ ông T4, M sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, ông T4 giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 tờ giấy (bản phô tô) do Nguyễn Văn M viết liên quan đến việc nhận tiền của ông T4: 01 tờ ghi Biên bản cam kết không hủy ngang đề ngày 13/12/2017 (biên nhận số tiền 350.000.000 đồng), 01 tờ ghi Biên bản cam kết hợp tác không hủy ngang đề ngày 21/12/2017 (biên nhận số tiền 300.000.000 đồng), 01 tờ phiếu thu chuyển tiền 50.000.000 đồng, người nhận tiền Nguyễn Văn M có xác nhận của Công ty vận tải H.

Về trách nhiệm dân sự: Do ông T4 liên tục đòi tiền, theo lời khai của M thì M đã chuyển trả ông T4 số tiền 335.000.000 đồng. Ông T4 khai chỉ nhận được của M khoảng 100.000.000 đồng. Ông T4 yêu cầu M phải trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Vụ thứ ba, lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Mạnh T5, sinh năm 1956, trú tại số 97 khu tập thể E17 N, huyện T, Hà Nội số tiền 350.000.000

đồng.

Tháng 01/2018, thông qua các mối quan hệ xã hội, ông Nguyễn Mạnh T5 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng 565, trụ sở tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình được ông Phạm Văn D1 giới thiệu có hạng mục đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước của dự án đầu tư xây dựng làng Việt Kiều tại thành phố Hải Phòng. Ngày 04/01/2018, ông D1 thông báo đã liên hệ được với S (tức Nguyễn Văn M) làm việc trong Ban quản lý dự án thành phố Hải Phòng là người có khả năng, điều kiện giúp ông T5 ký được hợp đồng thực hiện dự án nêu trên, ông T5 thỏa thuận bằng hợp đồng giao khoán việc và trả thưởng không hủy ngang nếu được thực hiện dự án sẽ trích thưởng cho ông D1 số tiền tương đương 02% tổng giá trị hợp đồng. Sau khi ký xong hợp đồng giao khoán, ông D1 đưa ông T5 và ông Nguyễn Trịnh H (Kế toán của Công ty cổ phần xây dựng 565) xuống Hải Phòng gặp M tại nhà của M ở số 34/145 C. Để lấy lòng tin của ông T5, M đưa ra bộ hồ sơ dự toán thiết kế, bản vẽ thiết kế thi công, thuyết minh thiết kế của dự án và yêu cầu ông T5 phải đặt cọc 350.000.000 đồng cho M để được ký hợp đồng thi công, ông T5 đã đưa cho M số tiền 350.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền có viết giấy biên nhận và có ông H, ông D1 chứng kiến. Khi nhận tiền M hẹn sau 01 tuần ông T5 sẽ được ký hợp đồng thi công, số tiền nhận được của ông T5, M trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, ông T5 giao cho Cơ quan điều tra 01 Giấy giao nhận tiền mặt (bản chính) đề ngày 04/01/2018, M xác nhận đã nhận đủ số tiền 350.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Mạnh T5 yêu cầu M phải trả số tiền đã chiếm đoạt là 350.000.000 đồng.

Vụ thứ tư, chiếm đoạt của ông Nguyễn Viết T6, sinh năm 1980, trú tại số 10/27/12 T, X, B, Hà Nội số tiền 300.000.000 đồng.

Ông Đặng Hồng T6 - Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 Miền Bắc và ông Nguyễn Viết T6 có nhu cầu thi công lắp đặt dây điện Dự án đường G - xi măng Hải Phòng. Tháng 05/2018, thông qua ông Nguyễn Trung L2 (ở Hà Nội), ông T6 và ông T7 quen ông Lê Văn T2, được ông T2 giới thiệu Nguyễn Văn M làm trong Ban quản lý dự án tại Hải Phòng có thể giúp ông T7, ông T6 ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư. Ngày 09/5/2018, ông T7, ông T6, ông T2 xuống Hải Phòng gặp M được M giới thiệu làm trong ban quản lý dự án và đưa đi xem thực tế công trình tại G, T, Hải Phòng. Ngoài ra, M còn dẫn mọi người về nhà ở 34/145 Cầu Đất, đưa hồ sơ thiết kế dự án, hồ sơ dự toán cho ông T7, ông T6 nghiên cứu. Đồng thời, M yêu cầu phải đặt cọc ngay 300.000.000 đồng sẽ được ký trực tiếp hợp đồng thi công, lắp đặt đường dây điện, hệ thống chiếu sáng của Dự án với chủ đầu tư. Do tin tưởng M, ông T7, ông T6 đồng ý đặt cọc cho M số tiền 300.000.000 đồng. Số tiền này là của cá nhân ông T6, ông

T6 trực tiếp ký người giao tiền trên Biên bản hợp tác không hủy ngang do M viết và M ký tên bên nhận tiền. Sau khi nhận tiền, M không giúp ông T6 ký hợp đồng mà dùng tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, ông T6 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 bản chính Biên bản hợp tác không hủy ngang đề ngày 09/5/2018 do Nguyễn Văn M viết thể hiện nội dung nhận của ông T6 số tiền 300.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Do ông T6 liên tục đòi tiền, M đã trả ông T6 100.000.000 đồng. Ông T6 yêu cầu M phải trả số tiền còn lại đã chiếm đoạt là 200.000.000 đồng.

Vụ thứ năm, chiếm đoạt của ông Phạm Quang P, sinh năm 1956, trú tại số 15B/33 C, L, N, Hải Phòng 250.000,000 đồng

Tháng 12/2017, thông qua ông Phạm Văn D1, ông Phạm Quang P giám đốc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu - xây dựng T gặp Nguyễn Văn M, M tự xưng là Phó ban quản lý dự án của thành phố Hải Phòng, M có khả năng giúp ông P tham gia nhiều dự án trong thành phố. Đến tháng 04/2018, M thỏa thuận giúp ông P ký hợp đồng thi công dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật làng Việt Kiều tại phường V, L, Hải Phòng. Đổi lại ông P sẽ trích phần trăm theo tổng giá trị gói thầu cho M. Để lấy lòng tin của ông P, M đưa ra các bộ hồ sơ thiết kế công trình, bản dự toán công trình và dẫn ông P đến công trường xem thực tế thi công, vào lán trại của công nhân nói chuyện. Do tin tưởng M, ông P đồng ý đặt cọc cho M số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 26/4/2018, có ông Đặng Văn T7 là nhân viên của ông P chứng kiến. Khi nhận tiền, M viết Biên bản cam kết hợp tác không hoàn lại biên nhận số tiền trên. Tuy nhiên, đến nay M không giúp ông P ký được hợp đồng thi công và không trả lại cho ông P khoản tiền nào.

Quá trình điều tra, ông P giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 bản chính Biên bản cam kết hợp tác không hoàn lại đề ngày 26/4/2018 do Nguyễn Văn M viết thể hiện nội dung nhận của ông P số tiền 250.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: ông P yêu cầu M phải trả số tiền đã chiếm đoạt là 250.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu, chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1970, trú tại thôn Y, xã Đ, C, Hà Nội 200.000.000 đồng

Trong khi chờ dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật làng Việt Kiều, M tiếp tục đặt vấn đề với ông P về việc thi công thêm hạng mục công trình đường nội bộ, hệ thống thoát nước, tường rào, nhà bảo vệ thuộc công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật làng Việt Kiều. Khoảng tháng 06/2018, thông qua bạn bè, ông Phạm Quang P quen ông Nguyễn Văn S1 - Giám đốc Công ty TNHH N, trụ sở tại xã Đ, C, Hà Nội. Ông P nói với ông S1 về việc quen với Nguyễn Văn M là Phó ban quản lý dự án của thành phố Hải Phòng nên đã xin được thi công một phần hạ

tầng xây dựng làng Việt Kiều. Tuy nhiên, do một mình công ty của ông P thì không đủ năng lực thực hiện, ông P đề nghị ông S1 ký hợp đồng liên danh với ông P để cùng thực hiện dự án. Ông S1 đồng ý và ngày 10/6/2018, Công ty TNHH N do ông S1 làm giám đốc đã ký hợp đồng liên danh với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng T do ông P làm giám đốc. Sau đó, ông P đưa ông S1, đến nhà gặp M và giới thiệu M là Phó ban quản lý dự án tại Hải Phòng, là sếp của ông P. Để ông S1 tin tưởng, M đưa ra các hồ sơ, tài liệu của dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật làng Việt Kiều cho ông S1 xem và yêu cầu ông S1 phải chuyển tiền đặt cọc luôn để chờ ký hợp đồng chính thức. Ông S1 tin tưởng và đã đặt cọc cho M số tiền 200 triệu đồng vào ngày 10 và ngày 12/6/2018.

Quá trình điều tra, ông S1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 tờ giấy ghi Biên bản cam kết không hủy ngang do Nguyễn Văn M viết đề ngày 10/6/2018 (biên nhận số tiền 100.000.000 đồng), mặt sau đề ngày 12/6/2018 biên nhận số tiền 100.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn M đã trả cho ông S1 50.000.000 đồng, ông S1 yêu cầu M phải trả số tiền còn lại đã chiếm đoạt là 150.000.000 đồng.

Vụ thứ bảy, lừa đảo chiếm đoạt của ông Trần Quang H1, sinh năm 1976, trú tại số 37B tổ 7 ngõ 2 S, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc 650.000.000 đồng.

Ông Trần Quang H1 - Giám đốc Công ty TNHH thương mại dịch vụ và xây dựng Hoàng Minh G có nhu cầu ký hợp đồng thi công một phần Dự án đường G - xi măng Hải Phòng. Khoảng tháng 06/2018, thông qua ông Đỗ Xuân T4 và bà Chu Thị Hằng N1, ông H1 gặp ông Đặng Ngọc T1 để xem một số hồ sơ, tài liệu phê duyệt đầu tư dự án... Khoảng 11h30' ngày 22/6/2018, ông Đặng Ngọc T1 dẫn ông T4, bà N và ông Trần Quang H1 cùng 02 người bạn ông H1 là vợ chồng ông Trần Văn X, bà Nguyễn Thị Lan H2 đến nhà Nguyễn Văn M ở số 34/145 C, N, Hải Phòng để thỏa thuận về việc xin làm nhà thầu phụ dự án G - Xi măng Hải Phòng. Tại đây, ông T1 giới thiệu M là Phó Ban quản lý dự án G - Xi măng Hải Phòng. Khi được giới thiệu là Phó ban quản lý dự án, M không phản đối mà còn khẳng định mình có khả năng chỉ đạo cả ban quản lý dự án. Nhằm lấy lòng tin của ông H1, ngoài việc đưa ra các tài liệu như nêu trên, M còn đưa ông H1, ông T1, ông T4, bà N, ông X, bà H2 đến công trình để xem hiện trạng và phân tích tính khả thi của dự án. M đã thỏa thuận với ông H1 là có thể xin cho ông H1 trúng gói thầu thi công khoảng 1,5km mặt đường nối G - Xi măng Hải Phòng, đường điện, hàng rào... và sẽ được xin thêm nhiều hạng mục khác. Ông H1 sẽ phải chi riêng ngoài hợp đồng cho M và Ban quản lý dự án, số tiền tương đương 18% giá trị hợp đồng. Ông H1 đồng ý và đưa trước cho M số tiền 300 triệu đồng, khi nhận tiền M có viết "Biên bản hợp tác đầu tư" biên nhận số tiền này, người ký tên chứng kiến là ông T1, có sự chứng kiến của ông T1, bà H2. Ngày 04/7/2018, ông H1 gặp M1

xin làm thêm một số hạng mục khác trong dự án đường nối G - Xi măng Hải Phòng. Ông H1 đưa thêm cho M số tiền 350 triệu đồng (trong đó bà H2 góp 50 triệu đồng). M đã viết “Biên bản hợp tác đầu tư không hủy ngang” biên nhận số tiền này, người ký tên chứng kiến là ông Thủy, có sự chứng kiến của ông T4, bà H2.

Sau khi nhận được 650 triệu đồng của ông H1, M đã dùng 50 triệu đồng để mời một số người biết về dự án trên ăn uống nhằm kết nối ký hợp đồng thi công nhưng thất bại. Còn lại 600 triệu đồng M dùng để trả nợ cá nhân.

Sau khi ký được Biên bản hợp tác đầu tư với M, ông Trần Quang H1 đã cho ông Đỗ Xuân T4 và bà Chu Thị Hằng N 49.500.000 đồng tiền trích thưởng, giúp ông H1 ký hợp đồng. Khi biết ông H1 không ký được hợp đồng thi công, ông T4 đã trả ông H1 số tiền trên.

Quá trình điều tra, ông H1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 tờ giấy (bản chính) do Nguyễn Văn M viết liên quan đến việc nhận tiền của ông H1: 01 tờ ghi Biên bản hợp tác đầu tư đề ngày 22/6/2018 (biên nhận số tiền 300.000.000 đồng), 01 tờ ghi Biên bản hợp tác đầu tư không hủy ngang đề ngày 04/07/2018 (biên nhận số tiền 350.000,000 đồng), 01 tờ ghi Giấy hẹn trả tiền đề ngày 20/8/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Quang H1 yêu cầu M phải trả số tiền đã chiếm đoạt là 650.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn M trên các tài liệu gốc thể hiện nội dung nhận tiền do ông Trần Quang H1, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Mạnh T5, Nguyễn Viết T6 cung cấp. Tại các Kết luận giám định số 89/KLGD ngày 26/9/2018 và số 26/KLGD ngày 02/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ ký viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn M trên các tài liệu mẫu so sánh là chữ viết, chữ ký của cùng một người.

Xác minh tại Ban quản lý dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ khu liên hợp xử lý chất thải rắn G đến nhà máy xi măng Hải Phòng; Ban quản lý dự án xây dựng làng Việt Kiều tại V, L, Hải Phòng; Ban quản lý dự án xây dựng chợ hoa quả tại chân Cầu B, Hải Phòng, kết quả: tại các ban quản lý dự án cũng như trong danh sách nhân sự của các chủ đầu tư dự án từ khi thành lập đến nay không có ai tên là Nguyễn Văn M (hoặc S) sinh năm 1961, địa chỉ số 34/145 C, N, Hải Phòng. Từ năm 2017 đến nay không có cá nhân nào nộp tiền vào các Ban quản lý dự án nêu trên.

Quá trình thực hiện lệnh bắt tạm giam đối với Nguyễn Văn M, M đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips E570 và 50.000.000 đồng. Khám xét nơi ở của M, thu giữ nhiều sổ sách, tài liệu, hồ sơ mời thầu trong đó có bản phô tô Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối

từ khu liên hợp xử lý chất thải rắn G đến nhà máy xi măng Hải Phòng; Dự án xây dựng chợ hoa quả tại chân cầu B, Hải Phòng; Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu tư xây dựng làng Việt Kiều tại phường V, quận L, Hải Phòng là các công cụ, phương tiện để M thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2019/HS-ST ngày 18/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Văn M (tức S) tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 19/02/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có Quyết định số 01/QĐ-VKSHP kháng nghị việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn M, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn M thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo M thống nhất về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phần trách nhiệm dân sự Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo M, nhưng cho rằng mức án Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo M là quá nặng, chưa xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như bản án sơ thẩm nêu, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử bị cáo mức án 20 năm cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa và ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo đã kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định số tiền bị cáo M chiếm đoạt là 2.942.107.000đ, bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo và đã khắc phục được một phần hậu quả, bồi thường một phần cho người bị hại với tổng số tiền là 535.000.000đ (trong đó 485.000.000đ trả cho một số người bị hại và 50.000.000đ nộp tại Cơ quan điều tra); bị cáo có anh trai là Liệt sĩ và bị cáo là người trực tiếp thờ cúng Liệt sĩ. Căn cứ tiểu mục 2.2 mục 2 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mức án tù chung thân Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo M là nặng, chưa phù hợp với hướng dẫn nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải

Phòng, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M mức án 20 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn M thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của các bị hại; lời khai của người làm chứng; Bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 6 năm 2018, Nguyễn Văn M đã giả mạo người có chức vụ quyền hạn trong các Công ty và Ban quản lý dự án của thành phố Hải Phòng để lừa dối những cá nhân, tổ chức có nhu cầu tham gia thi công dự án xây dựng chiếm đoạt tổng số tiền là 2.942.107.000đ, cụ thể: Chiếm đoạt của ông Trần Quang H1 650.000.000đ, ông Phương Công T4 700.000.000đ, ông Nguyễn Mạnh T5 350.000.000đ, ông Nguyễn Viết T6 300.000.000đ, ông Phạm Quang P 250.000.000đ, ông Nguyễn Văn S1 200.000.000đ và bà Phạm Thị M1 492.107.000đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn M xuống hình phạt tù có thời hạn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn M là lao động tự do, bằng thủ đoạn gian dối giới thiệu mình là Phó Ban quản lý dự án ở Hải Phòng và đưa những bản photo hồ sơ, tài liệu tạo lòng tin của những cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu tham gia thi công để chiếm đoạt tiền. Bị cáo M có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả, bồi thường một phần cho các bị hại (cụ thể: trả cho ông Nguyễn Văn S1 50.000.000đ, ông Nguyễn Viết T6 100.000.000đ, ông Phương Công T4 335.000.000đ và nộp tại Cơ quan điều tra 50.000.000đ); còn lại số tiền chiếm đoạt chưa trả được là 2.407.107.000đ. Bị cáo có anh ruột là Liệt sĩ và là người trực tiếp thờ cúng Liệt sĩ. Như vậy, bị cáo M có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội nhiều lần) và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng bị cáo M phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 và được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng. Tuy nhiên, khi

lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại điểm b, tiểu mục 2.1, mục 2 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng một số quy định của các Điều 139, 193, 278, 279 và 289 Bộ luật Hình sự (hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn thay thế về việc quyết định hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”) để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M mức án tù chung thân là có phần nghiêm khắc, chưa phù hợp với nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và quy định tại điểm b, tiểu mục 2.2, mục 2 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *“Xử phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng đến dưới bốn tỷ năm trăm triệu đồng trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không có tình tiết tăng nặng hoặc có ít tình tiết tăng nặng hơn, đồng thời đánh giá tính chất giảm nhẹ và tính chất tăng nặng xét thấy có thể giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội thì có thể xử phạt người phạm tội mức án nhẹ hơn mức án được hướng dẫn tại tiểu mục 2.1 mục 2 này”*. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Văn M là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKSHP ngày 02/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng về việc áp dụng hình phạt tù chung thân đối với bị cáo Nguyễn Văn M; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2019/HSST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn M, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M (tức S) 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/02/2019.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hải Phòng;
- VKSND tp Hải Phòng;
- Trại tạm giam tp Hải Phòng;
- Công an tp Hải Phòng;
- Cục THADS tp Hải Phòng;
- Bị cáo M (qua trại)
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh